TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 8 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đông Hồ.

Bà Trần Thị Min.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khu p, phường V, thành phố C, tỉnh A ..

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn B, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2023 và các lời khai tại Tòa án chị Nguyễn Ngọc H (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn B chung sống với nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện, đến năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, anh B không quan tâm lo lắng gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn B.

Về con chung: Chị xác định có 01 con chung tên Trần Thị Kim Anh, sinh ngày 14/5/2016. Hiện nay, con đang sống với anh B. Sau khi ly hôn chị yêu cầu giao con cho anh B tiếp tục nuôi và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Văn B, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc H nhưng anh B không có ý kiến. Tòa án thông báo để anh B tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh B vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa anh, chị được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Trần Văn B tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh B vắng mặt không lý do; nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B, chị H theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền*:

Tranh chấp giữa chị Nguyễn Ngọc H với anh Trần Văn B là tranh chấp hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Văn B có địa chỉ cư trú tại ấp Nhà Phấn, xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Trần Văn B chung sống với nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện, đến năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 59/2017 ngày 22/5/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H yêu cầu được ly hôn với anh B, với nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, anh B không quan tâm lo lắng gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử anh B không có ý kiến bằng văn bản hay trực tiếp tranh tụng tại phiên tòa để thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của chị H, cũng như tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho anh. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh B là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị H xác định có 01 con chung tên Trần Thị Kim Anh, sinh ngày 14/5/2016. Hiện tại, con đang sống với anh B. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu giao con cho anh B tiếp tục nuôi và chị H không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ trước đến nay anh B nuôi dưỡng con cũng đã ổn định, sức khỏe vẫn phát triển bình thường. Mặt khác, theo đơn xin ý kiến ngày 07/6/2023 cháu Trần Thị Kim Anh có nguyện vọng muốn sống với anh B, anh B cũng không có ý kiến gì về việc chị H yêu cầu giao con cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng nên yêu cầu của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu Trần Thị Kim Anh cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng và chị H không cấp dưỡng nuôi con. Anh B không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Chị H xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ thu, nợ trả: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc H.

[1] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Ngọc H được ly hôn với anh Trần Văn B.

[2] *Về con chung*: Giao cho anh Trần Văn B được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Thị Kim Anh, sinh ngày 14/5/2016 và chị Nguyễn Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Ngọc H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo

biên lai thu tiền số 0009144 ngày 18/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước; chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Ngọc H và anh Trần Văn B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- UBND xã Thạnh Phú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Hiền